

Bản án số: 06/2024/ HNGĐ-ST

Ngày: 27/3/2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH - QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: ông Đỗ Quốc Tân

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Loan và bà Trần Thị Thúy Vinh.

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 114/2023/TLST - HNGĐ ngày 23/11/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phạm Thị Thanh S, sinh năm 1993

Nơi cư trú: TDP Q, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Bị đơn: anh Trần Văn B, sinh năm 1980

Nơi cư trú: TDP Q, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà chị Phạm Thị Thanh S trình bày:

Chị và anh Trần Văn B có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2014 tại UBND thị trấn Nông Trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Bình ham chơi, thường nhậu nhẹt, đánh bài không chăm lo cho gia đình, đã nhiều lần chị Song khuyên bảo để anh Bình sửa chữa, thậm chí chị đã làm đơn đến Tòa để xin ly hôn anh Bình 02 lần rồi nhưng quá trình hòa giải được Tòa án phân tích nên chị đã rút đơn để cho anh Bình cơ hội sửa chữa bản thân nhưng anh Bình vẫn không thay đổi. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn anh Trần Văn B.

Tại bản tự khai, trong quá trình giả quyết và tại phiên toà hôm nay anh Trần Văn B trình bày: anh và chị Phạm Thị Thanh S có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, chỉ có một số xích mích nhỏ không đáng kể. Nay, chị Song làm đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ cho thêm cơ hội để hàn gắn tình cảm xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh S và anh Trần Văn B thống nhất trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Thị Quỳnh Ngân, sinh ngày 03/01/2016 và Trần Thị Thảo Vy, sinh ngày 08/6/2018. Sau khi ly hôn chị Song có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu, yêu cầu anh Bình đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 người con. Anh Bình mong muốn vợ chồng đoàn tụ, không muốn con phải chia rẽ. Nếu Tòa chấp nhận đơn ly hôn thì anh giao hai lại 02 người con cho chị Song nuôi dưỡng, anh đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 người con như nguyện vọng của chị Song.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thanh S trình bày tự thoả thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết còn anh Trần Văn B mong muốn được đoàn tụ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Thanh S yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn B cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh S và anh Trần Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn lẽ ra vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, thông cảm và tạo điều kiện về mọi mặt trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng do vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ thấu hiểu được với nhau nên đã phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn nói chuyện với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặt khác, trước khi nộp đơn xin ly hôn lần này thì vào năm 2021 và năm 2022 chị Song cũng đã nộp đơn xin ly hôn anh Bình nhưng qua quá trình hòa giải tại Tòa án hai bên đã thống nhất bỏ qua những khuyết điểm cho nhau để vợ chồng trở về đoàn tụ, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con cái trưởng thành. Nay chị Song lại nộp đơn và khẳng khái mong muốn được ly hôn anh Bình, anh Bình tuy không đồng ý nhưng cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình hình. Vì vậy, Hội

đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Song là phù hợp với tình hình thực tế của hai bên và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Thị Quỳnh Ngân, sinh ngày 03/01/2016 và Trần Thị Thảo Vy, sinh ngày 08/6/2018. Xét chị Song có nguyện vọng xin được nuôi 02 cháu Ngân và Vy, anh Bình cũng đồng ý với nguyện vọng của chị Song nên căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thỏa thuận của chị Song và anh Bình: giao cháu Trần Thị Quỳnh Ngân và cháu Trần Thị Thảo Vy cho chị Song trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Văn B có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/ 02 người con, kể từ tháng 04/2024 cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Song và anh Bình không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh S, anh Trần Văn B phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Thanh S xử cho chị Phạm Thị Thanh S được ly hôn anh Trần Văn B. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị Thanh S với anh Trần Văn B, giao con chung Trần Thị Quỳnh Ngân, sinh ngày 03/01/2016 và Trần Thị Thảo Vy, sinh ngày 08/6/2018 cho chị Song được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Bình có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/ 02 người con (1.000.000 đồng/ 01 người con) kể từ tháng 4/2024 cho đến khi con chung Trần Thị Quỳnh Ngân và Trần Thị Thảo Vy lần lượt đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Song và anh Bình không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

- Chị Phạm Thị Thanh S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn để sung vào ngân sách nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Song đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch theo biên lai số 0002900 ngày 23/11/2023. Chị Song đã nộp đủ án phí.

- Anh Trần Văn B phải có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/3/2024) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Quảng Bình.
- VKS Bồ Trạch.
- THADS Bồ Trạch.
- Lưu HS, lưu TA.
- UBND thị trấn Nông Trường Việt Trung (GCNKH số 72 ngày 12/11/2014);
- Các Đương sự

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Quốc Tân

